TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 9 - 2024
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Loan

Ông Mai Phú

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Phú – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 395/2024/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2024 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2024/QĐXX-ST ngày 02/8/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 109/2024/QĐ-ST ngày 21/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ka T, sinh năm 1995; địa chỉ: A Đ, Phường C, thành phố Đ. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Quách Văn Đ**,** sinh năm 1991; địa chỉ: Lô B Khu quy hoạch quanh trường K, Phường D, thành phố Đ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Ka T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ka T và anh Quách Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào năm 2017. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh rất nhiều mâu thuẫn, bất hòa, anh Đ thường xuyên uống rượu say và về đánh vợ, con. Chị T nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn hàn gắn tình cảm nhưng không được. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được.

Nay chị T làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Quách Mai S, sinh ngày: 23-03-2017. Sau khi ly hôn chị đề nghị giao cháu Quách Mai S cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và lời trình bày tại phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải ngày 05/7/2024 của bị đơn anh Quách Văn Đ:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất lời trình bày của chị T về quá trình chung sống. Khoảng tháng 5/2017, hai vợ chồng từ xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào sinh sống tại thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Đến năm 2022 vợ chồng sống ly thân. Tuy nhiên, anh vẫn chăm sóc, đưa đón, chu cấp cho con đầy đủ. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Quách Mai S, sinh ngày: 23/32017. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, anh đề nghị giao cháu S cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Anh sẽ chuyển hộ khẩu cho con về xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa để đi học. Hiện anh đang làm đầu bếp tại Đ nên có đủ thu nhập để nuôi cháu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 21/6/2024, Ủy ban nhân dân Phường D, thành phố Đ xác nhận: Mâu thuẫn của vợ chồng chị Ka T và anh Quách Văn Đ từ trước đến nay không báo cho Ủy ban nhân dân phường biết và cũng không yêu cầu Ủy ban nhân dân phường tiến hành hòa giải nên Ủy ban nhân dân phường không biết và cũng không tiến hành hòa giải mâu thuẫn của vợ chồng anh Đ và chị T. Về con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng anh Đ và chị T thì Ủy ban nhân dân phường không nắm rõ.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Quách Văn Đ vắng mặt.

Nguyên đơn chị Ka T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với anh Quách Văn Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, các đương sự và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ka T:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Ka T và anh Quách Văn Đ được ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Quách Mai S, sinh ngày 23/3/2017 cho chị Ka T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị T không yêu

cầu cấp dưỡng nuôi con nên không buộc anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Quách Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo Giấy chứng nhận kết hôn đăng ký tại xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào năm 2017; lời khai của chị Ka T và anh Quách Văn Đ đã đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa chị T và anh Đ là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị T và anh Đ chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2022 phát sinh nhiều mâu thuẫn nên đã sống ly thân. Nguyên nhân do anh Đ thường xuyên đánh đập chị (BL01-02); bất đồng trong quan điểm sống hàng ngày và mỗi người sinh sống ở mỗi nơi khác nhau. Sự việc này cho thấy hai bên đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ vợ chồng, vi phạm nguyên tắc tình nghĩa vợ chồng quy định tại Điều 5, Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định quan hệ hôn nhân giữa hai bên đã ở mức mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn. Tòa án đã triệu tập anh Đ để hòa giải và tham gia phiên tòa nhiều lần, tuy nhiên anh Đ vắng mặt, cho thấy việc anh không còn níu kéo quan hệ hôn nhân này. Vì vậy, việc chị T đề nghị được ly hôn anh Đ là có căn cứ, phù hợp Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T và anh Đ được ly hôn.

[3] Về con chung: Chị Ka T và anh Quách Văn Đ thống nhất khai nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Quách Mai S, sinh ngày: 23-03-2017. Chị T và anh Đ đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ghi nhận ý kiến của cháu S, cháu có nguyện vọng được ở với chị T (BL17). Đồng thời, Tòa án đã yêu cầu chị T và anh Đ cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh nguồn thu nhập của bản thân. Theo đó, chị T có mức lương 9.000.000đ/tháng (BL28-29), phía anh Đ không cung cấp tài liệu. Xét thấy, từ khi ly thân đến nay cháu S đều ở với chị T và gia đình ngoại, chị T có thu nhập ổn định. Căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 4, Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm

phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị T, giao cháu Quách Mai S cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chị T và anh Đ đều trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 5, Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 4, Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ka T về việc *"Tranh chấp ly hôn"*.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ka T và anh Quách Văn Đ được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Quách Mai S, sinh ngày 23/3/2017 cho chị Ka T trực tiếp nuôi dưỡng.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Chị Ka T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được cấn trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0000815 ngày 23/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt. Chị Ka T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Ka T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Quách Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày để từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (2);
- VKSND thành phố Đà Lạt;
- Chi cục THADS thành phố Đà Lạt;
- UBND xã Thành Yên, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án; bộ phận lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hương Trang